

Số: 65/2022/QĐST-HNGĐ

Quảng Hòa, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Lương Văn L, sinh năm 1978
 - Bị đơn: Triệu Thị L1, sinh năm 1980
 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Triệu Thị M, sinh năm 1956
- Cùng trú tại: Xóm B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Lương Văn L, sinh năm 1978
- Bị đơn: Triệu Thị L1, sinh năm 1980

Cùng trú tại: Xóm B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn L và bà Triệu Thị L1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung là Lương Thị Y, sinh ngày 10/12/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tài sản chung của vợ chồng

bao gồm:

+ 01 ngôi nhà, 01 sân có mái che và 01 chuồng trâu xây dựng trên thửa đất số 315 tờ bản đồ số 32 diện tích 662.4m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 166129 có địa chỉ ở xã L, huyện P (nay là thị trấn H, huyện Q), tỉnh Cao Bằng được cấp ngày 24/9/2004 cho hộ ông Lương Văn K (ông K đã chết có vợ là Triệu Thị M). Ông L và bà L1 thống nhất giá trị những tài sản trên là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

+ 02 con trâu, ông L và bà L thống nhất có giá 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Khi ly hôn ông L sẽ nhận các tài sản trên bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán cho bà L1 ½ giá trị là 52.500.000đ (*Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ 02 chiếc xe máy gồm: 01 xe Dream BKS 1XP1.0XXX có giá 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) và 01 xe Wave alpha BKS 1X-F6.3XXX có giá 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Khi ly hôn bà L1 trực tiếp quản lý, sử dụng xe Wave alpha; ông L trực tiếp quản lý, sử dụng xe Dream và có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị 02 xe máy cho bà L1 là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.4. *Về nợ chung*: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về nợ chung do bà L1 rút yêu cầu vì tại thời điểm hòa giải đã không còn nợ chung.

2.5. *Về án phí*: Ông Lương Văn L và bà Triệu Thị L1 mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 1.675.000đ (*Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng giá trị tài sản các bên được nhận. Tổng cộng mỗi người phải chịu 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng các đương sự đều thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án, VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Lê Thị Hiền